

Bản án số:06/2021/DSST  
Ngày 20/5/2021  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Thanh Hương
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Hoàng Thị Thu L và ông Trần Văn Tài.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/TLST-DS ngày 02-11-2020 về việc: “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 15-4-2021, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Ngân hàng X;

Địa chỉ: phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phạm Tuấn A – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ KHDN Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng X kiêm nhiệm chức danh phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng X; (Theo Giấy ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02-3-2020) (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đức Đ – Chuyên viên xử lý nợ. (Theo giấy ủy quyền số 2344/2020/UQ-VPB ngày 01-7-2020) (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Văn phòng X, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

\* *Bị đơn*: 1. Bà: Phan Thị T, sinh năm: 1987.Trú tại: Tổ dân phố C, phường H, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(Có mặt).

2. Ông: Nguyễn Tùng L, sinh năm: 1986; trú tại: Tổ dân phố C, phường H, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(Vắng mặt có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2020, bản tự khai ngày 03-11-2020, bản tự khai bổ sung cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ trình bày: Ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T có ký kết vay vốn của Ngân hàng X – phòng giao dịch Kỳ Anh, Hà Tĩnh theo 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 2.050.000.000 đồng cụ thể:*

+ Ngày 18-7-2017 Ngân hàng X có ký hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T vay số tiền 1.750.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1707120110970; được giải ngân chia làm 02 đợt (đợt 01 là 750.000.000 đồng và đợt 2 là 1.000.000.000 đồng) thời hạn vay hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được quá 09 tháng; phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất than tổ ong; lãi suất: 10%/năm.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13-10-2017, số tiền vay: 80.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Mua đồ gia dụng; Lãi suất vay: 20%/năm.

+ Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 09-11-2016, số tiền vay: 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 48 tháng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; lãi suất: 20%/năm.

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 15-4-2016, số tiền vay: 20.000.000 đồng.Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng X đã tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 31/5/2018 Ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 26.000.000đ.

Ngày 02/01/2019 ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 33.000.000đ.

- Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; sổ vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016 giữa bên thế chấp là bà Phan Thị T và ông

Nguyễn Tùng L với bên nhận thẻ chấp là Ngân hàng X.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T, Ngân hàng X đã giải ngân đầy đủ tiền vay cho ông L và bà T số tiền 2.050.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã thực hiện nhận nợ và sử dụng đúng mục đích như đã cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký. Thời gian đầu, ông L và bà T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đều đặn như cam kết. Tuy nhiên, đến tháng 3-2019, công việc kinh doanh sản xuất than tổ ong gặp nhiều khó khăn nên ông L và bà T đã không đủ khả năng thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng X. Ông L và bà T đã vi phạm lịch trả nợ trên các hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký từ đó cho đến nay, dẫn đến các khoản vay bị quá hạn và chuyển thành nợ xấu. Ngân hàng X đã nhiều lần làm việc và thông báo với ông L và bà T về việc quá hạn trả nợ tại Ngân hàng X, đồng thời đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T vẫn chưa thanh toán được đồng nào tiền gốc và lãi cho Ngân hàng X và có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh, vi phạm hợp đồng tín dụng. Hiện nay, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T còn nợ Ngân hàng X tính đến ngày 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng). Cụ thể:

+ Khoản vay 750.000.000 đồng, thanh toán được 2.835.957 đồng tiền gốc và lãi 61.770.932 đồng. Số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20-5-2021) là 1.091.710.581 đồng (Trong đó: Gốc 747.164.043 đồng và nợ lãi 344.546.538 đồng);

+ Khoản vay 1.000.000.000 đồng, thanh toán được 53.407.168 đồng tiền lãi, còn tiền gốc chưa thanh toán. Nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20-5-2021) là 1.459.224.689 đồng (Trong đó: Nợ gốc 1.000.000.000 đồng và nợ lãi 459.224.689 đồng);

+ Khoản vay tín chấp 200.000.000 đồng đã thanh toán được 88.646.779 đồng tiền gốc và 70.201.752 đồng tiền lãi. Số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20-5-2021) là 222.494.455 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 111.353.221 đồng và lãi là 111.141.234 đồng);

+ Khoản vay tín chấp 80.000.000 đồng đã thanh toán được 13.320.875 đồng tiền gốc và 18.380.664 đồng tiền lãi. Số tiền nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20-5-2021) là 133.013.166 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 66.679.125 đồng và nợ lãi 66.334.041 đồng).

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 15-4-2016, số tiền vay: 20.000.000 đồng. Lãi suất theo qui định của hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng X đã tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 31/5/2018 ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 26.000.000đ.

Ngày 02/01/2019 ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 33.000.000đ.

Quá trình, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã trả được 56.319.420đ trong số tiền dư nợ phát sinh lũy kế 123.181.026đ. Như vậy số tiền còn nợ lại là 66.861.606 đồng(Trong đó: Nợ gốc là 28.060.578 và nợ lãi là 38.801.028 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh buộc ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng X tất cả các khoản vay cả gốc và lãi tính đến ngày 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng(Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng). Trường hợp, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng X yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; số vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016 giữa bên thế chấp là bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tùng L với bên nhận thế chấp là Ngân hàng X, để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Tùng L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà 1, tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh về tội “Giết người”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp ra Trại tạm giam Xuân Hà 1 để làm việc với ông Nguyễn Tùng L. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12-11-2020, ông Nguyễn Tùng L thừa nhận ông cùng bà Phan Thị T có ký kết ký kết vay vốn của Ngân hàng X – phòng giao dịch Kỳ Anh, Hà Tĩnh (Viết tắt Ngân hàng X) theo 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 2.050.000.000 đồng. Để bảo đảm cho các khoản vay trên vợ chồng ông đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; số vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561. Việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp do ông L và bà T hoàn toàn tự nguyện và thừa nhận chữ ký trong các hợp đồng là đúng. Ông L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Ông Nguyễn Tùng L thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ, cũng như đồng ý để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nếu như vợ chồng ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Hiện nay, ông đang chấp hành án nên không thể về tham dự các buổi làm việc của Tòa án, cũng như tham gia phiên tòa nên ông đã làm giấy ủy quyền

cho bà Phan Thị T tham gia tố tụng, thay mặt ông tham gia các buổi làm việc với Tòa án, tham gia xét xử cho đến khi kết thúc vụ án và đồng thời nhân danh ông quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của ông - Theo giấy ủy quyền lập ngày 12-11-2020 có xác nhận của Trại giam Xuân Hà 1.

Bị đơn bà Phan Thị T trình bày; Bà thừa nhận về quá trình ký kết hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm, cũng như tổng dư nợ hiện tại mà bà và ông L còn đang nợ Ngân hàng X như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng X tính đến ngày 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng). Do việc kinh doanh của gia đình thua lỗ, đang còn khó khăn nên có đề nghị Ngân hàng giảm lãi, cho trả nợ dần.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý trả nợ và đồng ý xử lý tài sản đảm bảo đã thế chấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn là bà Phan Thị T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình xây dựng hồ sơ bà có tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần mở các phiên hòa giải nhưng bà T vắng mặt có lý do 01 lần còn những phiên hòa giải khác bà không chấp hành mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản, tài liệu tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị T đã có mặt tham gia phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 nghị quyết 326; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X tổng tính đến ngày 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng). Lãi suất thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, tiếp tục duy trì tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ

Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; sổ vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016, để đảm bảo thi hành án; Về án phí: bà Phan Thị T và ông Nguyễn Tùng L phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tùng L đã làm giấy ủy quyền cho bà Phan Thị T tham gia tố tụng, thay mặt ông tham gia các buổi làm việc với Tòa án, tham gia xét xử cho đến khi kết thúc vụ án và đồng thời nhân danh ông quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của ông - Theo giấy ủy quyền lập ngày 12-11-2020 có xác nhận của Trại giam Xuân Hà 1. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tùng L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền Ngân hàng X để kinh doanh cá nhân. Kể từ tháng 3-2019, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên Ngân hàng X khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh. Tranh chấp giữa Ngân hàng X với ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 98 của Luật tổ chức tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T cư trú tại tổ dân phố C, phường H, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Tính hợp pháp của hợp đồng:

+ Xét hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1707120110970, ngày 18-7-2017 thể hiện Ngân hàng X có ký hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T vay số tiền 1.750.000.000 đồng ; được giải ngân chia làm 02 đợt (đợt 01 là 750.000.000 đồng và đợt 2 là 1.000.000.000 đồng) thời hạn vay hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn

mức không được quá 09 tháng; phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất than tổ ong; lãi suất: 10%/năm.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không Tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13-10-2017, số tiền vay: 80.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Mua đồ gia dụng; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 20%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03/tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2018. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 12%/năm.

+ Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 09-11-2016, số tiền vay: 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 48 tháng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 20%/năm. Mức lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03/tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2017. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 12%/năm.

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 15-4-2016, số tiền vay: 20.000.000 đồng. Lãi suất theo qui định của hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng X đã tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 31/5/2018 ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 26.000.000đ.

Ngày 02/01/2019 ngân hàng X tăng hạn mức tiêu dùng của thẻ tín dụng ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T lên 33.000.000đ.

Quá trình, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã trả được 56.319.420đ trong số tiền dư nợ phát sinh lũy kế 123.181.026đ. Như vậy số tiền còn nợ lại là 66.861.606 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 28.060.578 và nợ lãi là 38.801.028 đồng).

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016. Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được các đương sự ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái Đ đức xã hội, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật. Do đó các hợp đồng này là hợp pháp, có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng X đã thực hiện việc giải ngân, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng. ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

3.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng X về việc yêu cầu ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X toàn bộ số tiền gốc và lãi còn dư nợ của các hợp đồng tín dụng tính đến ngày là 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng (vay tài sản) là hợp pháp, có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng đã ký kết. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng X đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân cho ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T vay 2.050.000.000 đồng như đã cam kết. Thời gian đầu ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Tuy nhiên, từ tháng 3-2019 ông L và bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X theo thỏa thuận. Mặc dù, Ngân hàng X đã nhiều lần làm việc, thông báo với ông L và bà T về việc các khoản vay bị quá hạn và chuyển thành nợ xấu, đồng thời đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông L và bà T vẫn chưa thanh toán được đồng nào thêm cho Ngân hàng và có biểu hiện chây ỳ, vi phạm hợp đồng tín dụng. Từ nhận định trên Ngân hàng X yêu cầu ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn dư nợ của các hợp đồng tín dụng tính đến ngày là 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng) hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

3.3. Xét yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T tại Ngân hàng X là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; số vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016, được ký kết bảo đảm đúng trình tự quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản trên các bên đã tự nguyện thỏa thuận ký kết, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái Đ đức xã hội, được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Nay, ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 292, 299, 317, 318, 320, 322 Bộ luật dân sự năm

2015. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

3.4. Đối với nghĩa vụ của bị đơn. Tại phiên Tòa hôm nay bà Phan Thị T cũng đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng X tính đến ngày 20-5-2021 tổng các khoản vay cả gốc và lãi là 2.973.304.497 đồng (Trong đó gốc 1.953.256.967 đồng, lãi 1.020.047.530 đồng) và không có ý kiến khiếu nại gì thêm.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí, và chi phí thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng X.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 147, Điều 271 và Điều 273, Điều 101, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 292, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X về việc: **“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”** với bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/05/2021 là: **2.973.304.497 đồng** (*Hai tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm linh tư nghìn bốn trăm chín bảy đồng*). (Trong đó nợ gốc 1.953.256.967 đồng, nợ lãi 1.020.047.530 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 21/5/2021) ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với số tiền gốc **1.953.256.967đ** (*Một tỷ chín trăm năm mươi ba triệu, hai trăm năm sáu nghìn, chín trăm sáu bảy đồng*), theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận ký kết tại các Hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1707120110970 ngày 18-7-2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13-10-2017; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 09-11-2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 15-4-2016, cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ vay cho Ngân hàng X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi **1.020.047.530đ** (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi đồng*) thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng X thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi tất cả các khoản nợ. Tiếp tục duy trì tài sản bảo đảm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số: 07/371; địa chỉ thửa đất: Khu phố Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Hưng Thịnh, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh); được UBND

huyện Kỳ Anh (Nay là UBND thị xã Kỳ Anh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-9-2014, số BU 857439; sổ vào sổ cấp GCN: CH 01338 mang tên ông Nguyễn Tùng L và Phan Thị T theo hợp đồng thế chấp số 6986561 ngày 20-4-2016, để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải nộp tiền số tiền là 90.746.000đ (*Chín mươi bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn*) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ngân hàng X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 40.845.000 đồng (*Bốn mươi triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh theo biên lai thu số AA/2016/0007152 ngày 30-10-2020.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T phải nộp số tiền 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), tiền chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng X được nhận lại số tiền 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), tiền chi phí thẩm định tại chỗ từ ông Nguyễn Tùng L và bà Phan Thị T.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thanh Hương**

